

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1638/XHNV-QLĐT
V/v giới thiệu ngành Nhân học/Dân tộc học
và ngành Tôn giáo học

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh/thành phố.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM) là đơn vị đào tạo và nghiên cứu hàng đầu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tại khu vực phía Nam. Với hơn 60 năm hình thành và phát triển, Nhà trường có bề dày uy tín học thuật, đội ngũ giảng viên, nhà nghiên cứu giàu kinh nghiệm và đã đào tạo nhiều thế hệ cán bộ, chuyên gia có đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Trong bối cảnh hiện nay, công tác dân tộc – tôn giáo giữ vai trò ngày càng quan trọng trong việc bảo đảm ổn định xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thúc đẩy phát triển cộng đồng bền vững. Việc đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng thực tiễn và tư duy liên ngành trong lĩnh vực này là một yêu cầu cấp thiết. Xuất phát từ nhu cầu đó, Trường đang triển khai đào tạo ngành Nhân học và ngành Tôn giáo học – hai ngành học trang bị cho người học hệ thống tri thức hiện đại về văn hóa, xã hội, tộc người, tín ngưỡng và tôn giáo, góp phần hình thành đội ngũ nhân lực có năng lực chuyên môn và khả năng đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn của xã hội.

Nhà trường kính gửi đến Quý Cơ quan thông tin về các ngành đào tạo liên quan đến lĩnh vực dân tộc và tôn giáo, đồng thời bày tỏ mong muốn thiết lập và tăng cường hợp tác với địa phương trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển bền vững.

1. Thông tin tóm lược về chương trình đào tạo

a) Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo (CTĐT) các ngành Nhân học và ngành Tôn giáo học được thiết kế với mục tiêu cốt lõi là trang bị cho người học nền tảng kiến thức chuyên sâu, liên ngành và hiện đại về văn hóa, xã hội, tộc người, tín ngưỡng và tôn giáo; đồng thời rèn luyện năng lực phân tích, nghiên cứu thực tiễn, tư duy phản biện và kỹ năng tác nghiệp phù hợp với yêu cầu của công việc trong bối cảnh đa dạng văn hóa và tôn giáo hiện nay.



VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK	
Số: ... 4013 ...	ĐẾN
Ngày: 26/8/2025	
Chuyên:	



- Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đáp ứng tốt các vị trí công tác trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, văn hóa, du lịch, phát triển cộng đồng, nghiên cứu chính sách và quản lý nhà nước, cũng như có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn.

b) Chương trình đào tạo (đính kèm tại các phụ lục)

- Ngành Nhân học: cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ (phụ lục I, II, III);

- Ngành Dân tộc học: thạc sĩ và tiến sĩ (phụ lục IV, V);

- Ngành Tôn giáo học: cử nhân (phụ lục VI).

c) Đối tượng tuyển sinh

- Trình độ đại học: thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đáp ứng điều kiện tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

- Trình độ sau đại học: thí sinh tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ thuộc các ngành đúng, và phù hợp (Nhân học, Dân tộc học, Lịch sử, Văn hóa học, Văn hóa dân tộc ...), ngành gần (như Xã hội học, Công tác xã hội, Du lịch, Tôn giáo học, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Kinh tế phát triển...), và các ngành khác theo đánh giá phù hợp của Hội đồng chuyên môn.

d) Thời gian đào tạo

- Đại học: 04 năm;

- Sau đại học:

+ Thạc sĩ: 02 – 04 năm;

+ Tiến sĩ: 03 – 05 năm.

e) Hình thức đào tạo

Các chương trình đào tạo được tổ chức theo hình thức đào tạo chính quy tập trung tại Trường theo quy định.

g) Đơn vị đào tạo: Khoa Nhân học

2. Thông tin liên hệ về chương trình đào tạo

Khoa Nhân học, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM:

- Địa chỉ: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Số điện thoại: 08.3829.3828 (số nhánh 134);

- Email: nhanhoc@hcmussh.edu.vn

- Website: <https://hcmussh.edu.vn/nhanhoc>

Nhà trường kính mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về dân tộc và tôn giáo, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, gắn kết cơ sở đào tạo với nhu cầu thực tiễn, cùng hướng tới phát triển bền vững.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- BGH (để báo cáo);

- K.NH;

- Lưu: HC-TH, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Hoàng Dũng

Phụ lục I
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH NHÂN HỌC

(Kèm theo Công văn số 1638 /XHNV-QLĐT ngày 19 / 8 /2025 của Trường Đại học
KHXH & NV, ĐHQG-HCM)

1. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: **Nhân học**
- + Tiếng Anh: **Anthropology**
- Mã ngành đào tạo: 7.31.03.02
- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Loại hình đào tạo: Chính qui
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Nhân học
- + Tiếng Anh: Bachelor of arts in Anthropology
- Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG-HCM)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo

Sinh viên ngành Nhân học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực như sau:

2.1.1. Kiến thức và lập luận ngành

- Đào tạo sinh viên am hiểu kiến thức nhân học để vận dụng vào phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan đến văn hóa - xã hội của các cộng đồng tộc người ở Việt Nam và trên thế giới (Dành cho chuyên ngành Nhân học Văn hóa - Xã hội);
- Đào tạo sinh viên am hiểu về kiến thức nhân học liên quan đến hai lĩnh vực phát triển nổi bật hiện nay trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng là Phát triển du lịch và Phát triển cộng đồng. (Dành cho chuyên ngành Nhân học Phát triển).

2.1.2. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên có khả năng nghe, nói, đọc, hiểu ở mức độ trung bình về tiếng Anh (tương đương trình độ B1.2 theo khung Châu Âu);
- Kỹ năng về phương pháp nghiên cứu: Sinh viên sử dụng thành thạo các công cụ thu thập và xử lý dữ liệu trong các nghiên cứu như phần mềm SPSS, NVivo, GIS và phần mềm liên quan xử lý hình ảnh;
- Kỹ năng làm việc nhóm: Sinh viên có năng lực hợp tác và làm việc nhóm;

- Kỹ năng giao tiếp: Sinh viên có kỹ năng về việc thiết kế và thuyết trình trước đám đông, có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.1.3. Năng lực thực hành nghề nghiệp

- Năng lực nghiên cứu: Sinh viên có thể tổng hợp kiến thức đã được trang bị và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội, tôn giáo, phát triển của một cộng đồng, tộc người;

- Năng lực sáng tạo: Sinh viên có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

- Năng lực quản lý: Sinh viên có năng lực dẫn dắt chuyên môn, lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Năng lực liên kết văn hoá và xuyên văn hóa (interpersonal and cross-cultural): Sinh viên thích nghi với môi trường văn hóa xã hội và thúc đẩy một môi trường đa văn hoá thân thiện và tôn trọng các quan điểm khác nhau.

2.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

PLO	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (theo Thang đo Bloom)
1	Áp dụng kiến thức tổng quan về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và kiến thức chung về các cộng đồng tộc người tại Việt Nam đóng góp vào việc tư vấn hoặc xây dựng các chính sách phù hợp cho các cộng đồng, tộc người.	3.0
2	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp cho những vấn đề cụ thể liên quan đến các cộng đồng, tộc người tại Việt Nam.	4.0
3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu liên quan đến phát triển du lịch và phát triển cộng đồng.	4.0
4	Giao tiếp bằng các hình thức, phương tiện khác nhau và diễn đạt những quan điểm của cá nhân hoặc của nhóm một cách rõ ràng, chuẩn xác.	4.0

5	Sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu, công cụ chụp ảnh, quay phim các chủ đề dưới quan điểm nhân học để phục vụ các nghiên cứu trong Nhân học.	4.0
6	Có khả năng đọc hiểu và viết tóm tắt các báo cáo/tài liệu về các chủ đề nghiên cứu của Nhân học bằng tiếng Anh	3.0
7	Có tư duy phản biện trong việc đánh giá các thông tin và dữ liệu để đưa ra các kết quả nghiên cứu một cách khách quan.	5.0
8	Làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm đa ngành/liên ngành để thực hiện mục tiêu chung	4.0
9	Thiết kế, triển khai, quản lý các đề tài/dự án/chương trình nghiên cứu liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch và phát triển cộng đồng bằng các công cụ/ứng dụng khác nhau một cách độc lập hoặc theo nhóm.	5.0
10	Vận dụng quan điểm so sánh và tương đối văn hóa để thích nghi với môi trường đa văn hóa trong và ngoài nước trên cơ sở tôn trọng sự khác biệt và đa dạng.	4.0
11	Thể hiện sự chính trực và khách quan trong nghiên cứu và thực hành các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực Nhân học.	4.0
12	Thể hiện tinh thần, trách nhiệm cá nhân và đối với nhóm cộng tác, cộng đồng, xã hội trong quá trình thực hành nghề nghiệp chuyên môn.	4.0
13	Sáng tạo các sản phẩm truyền thông/dự án/đề tài/bài viết dưới quan điểm của ngành Nhân học một cách độc lập hoặc nhóm góp phần phục vụ phát triển cộng đồng và xã hội	5.0

3. Khối lượng kiến thức

Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau (không bao gồm ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và sinh hoạt định hướng đầu khóa):

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng
----	--------------------	------------

		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	33	27,5
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	37	30,8
III	Kiến thức chuyên ngành	50	41,7
IV	Kiến thức bổ trợ	0	0,0
V	Khóa luận tốt nghiệp (Những sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp sẽ tương đương với học 7 tín chỉ kiến thức chuyên ngành tự chọn, chiếm 5,8%)		
	Tổng cộng	120	100

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo của ngành Nhân học, hệ chính quy tập trung gồm 3 giai đoạn được chia thành 3 khối kiến thức: 1) *Khối kiến thức giáo dục đại cương*, 2) *Khối kiến thức cơ sở ngành*, 3) *Khối kiến thức chuyên ngành*.

- **Khối kiến thức giáo dục đại cương:** được đào tạo trong thời gian 1,5 năm, tương ứng 03 học kỳ. Sinh viên phải hoàn tất các môn học thuộc *kiến thức đại cương* và *kiến thức cơ sở khối ngành* với **số tín chỉ đạt được tối thiểu là 33 tín chỉ** và **phải có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định** của MỘT trong các ngoại ngữ như tiếng Anh, Nga, Hoa, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Hàn Quốc, Nhật Bản; cùng các chứng chỉ khác như Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, Tin học văn phòng.

- **Khối kiến thức cơ sở ngành:** được đào tạo trong thời gian 02 học kỳ. Sinh viên sẽ học kiến thức về cơ sở ngành nhân học, và phải hoàn tất các môn cơ sở với **số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 37 tín chỉ**.

- **Khối kiến thức chuyên ngành:** được đào tạo trong thời gian từ 1,5 năm, tương ứng 03 học kỳ tiếp theo. Trong giai đoạn này sinh viên phải hoàn tất kiến thức chuyên ngành với **số tín chỉ đạt được tối thiểu là 50 tín chỉ**.

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Sinh viên tích lũy đầy đủ các chứng chỉ theo quy định của Đại học Quốc gia và của Trường gồm: Ngoại ngữ, tin học, sinh hoạt định hướng đầu khóa, phục vụ cộng đồng.

5. Kế hoạch đào tạo (copy bảng như chỉ cần các thông tin cơ bản)

Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Loại hình (BB/TC)	Số tín chỉ
	DAI047	Triết học Mác – Lênin	Bắt buộc	3

I (16BB)	DAI005	Thống kê cho khoa học xã hội	Bắt buộc	2
	DAI033	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Bắt buộc	2
	DAI006	Môi trường và phát triển	Bắt buộc	2
	NHA014	Nhân học đại cương	Bắt buộc	4
	NHA059	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Bắt buộc	3
	NHA036.2	Phương pháp thu thập và xử lý hình ảnh trong nhân học	Tự chọn	2
II (12BB)	DAI048	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	Bắt buộc	2
	DAI016	Lịch sử văn minh thế giới	Bắt buộc	3
	DAI017	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Bắt buộc	3
	DAI024	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	2
	NHA019.1	Nhân học hình thể	Bắt buộc	2
	DAI021	Xã hội học đại cương	Tự chọn	2
	DAI029	Tôn giáo học đại cương	Tự chọn	2
	DAI028	Chính trị học đại cương	Tự chọn	2
	DAI015	Thực hành văn bản tiếng Việt	Tự chọn	2
	DAI027	Địa lý học đại cương	Tự chọn	2
	DAI049	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2
	LSU015	Cơ sở khảo cổ học	Bắt buộc	2
	NHA009	Lịch sử lý thuyết Nhân học	Bắt buộc	3
	NHA007.2	Diễn dã Dân tộc học	Bắt buộc	3
	DAI012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tự chọn	2
	NHA018.1	Nhân học giới	Tự chọn	3

III (10BB)	NHA006.1	Dân số học tộc người	Tự chọn	2
	NHA026	Nhân học tâm lý	Tự chọn	2
	DAI022	Tâm lý học đại cương	Tự chọn	2
	DAI025	Mỹ học đại cương	Tự chọn	2
	DAI026	Kinh tế học đại cương	Tự chọn	2
	DAI020	Logic học đại cương	Tự chọn	2
	DAI050	Hán văn cơ bản	Tự chọn	3
Chuyên ngành Nhân học Văn hóa – Xã hội				
IV (16 BB)	DAI051	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2
	NHA010	Lý thuyết văn hóa	Bắt buộc	2
	NHA022.1	Nhân học ngôn ngữ	Bắt buộc	3
	NHA027	Nhân học tôn giáo	Bắt buộc	3
	NHA016	Nhân học du lịch	Bắt buộc	3
	NHA035	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu định tính	Bắt buộc	3
	NHA029	Nhân học y tế	Tự chọn	3
	NHA025.2	Nhân học sinh thái	Tự chọn	2
	NHA046.1	Nhân học về toàn cầu hóa	Tự chọn	2
	NHA075.1	Nhân học nông thôn	Tự chọn	2
	NHA015.1	Nhân học đô thị	Tự chọn	2
	NHA013	Nhân học chính trị	Tự chọn	2
	DAI019	Chữ Nôm	Tự chọn	3
V (13 BB)	DAI 050	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2
	NHA020	Nhân học kinh tế	Bắt buộc	3
	NHA084	Lý thuyết nhân học đương đại	Bắt buộc	2
	NHA034.1	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu định lượng	Bắt buộc	3
	NHA004	Công tác xã hội trong Nhân học	Tự chọn	2

	LUU028	Quản trị nguồn nhân lực	Tự chọn	2
	NHA023	Nhân học pháp luật	Tự chọn	2
	NHA017	Nhân học giáo dục	Tự chọn	2
VI (12 BB)	NHA043.1	Anh văn chuyên ngành (trình độ 1)	Bắt buộc	3
	NHA040	Tộc người và văn hóa tộc người	Bắt buộc	2
	NHA032.1	Phát triển kỹ năng viết trong nghiên cứu Nhân học	Bắt buộc	3
	NHA071	Thực tập thực tế lần 1	Bắt buộc	2
	NHA037.1	Thân tộc, hôn nhân và gia đình	Bắt buộc	2
	NHA021	Nhân học nghệ thuật và biểu tượng	Tự chọn	2
	NHA053	Tri thức bản địa	Tự chọn	2
	NHA064.2	Nam Bộ: những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội	Tự chọn	2
	NHA039	Tổ chức xã hội và phân tầng xã hội	Tự chọn	2
	NHA074	Chuyển đổi tôn giáo ở Việt Nam đương đại	Tự chọn	2
	NHA042	Văn hóa truyền thông đại chúng	Tự chọn	2
VII (7 BB)	NHA044.1	Anh văn chuyên ngành (trình độ 2)	Bắt buộc	3
	NHA088	Các vùng văn hóa Việt Nam	Bắt buộc	3
	NHA089	Văn hóa người Việt ở Nam Bộ	Bắt buộc	2
	NHA038.2	Thực tập thực tế lần 2	Bắt buộc	2
	NHA095	Các dân tộc Nam Á và Tây Á	Tự chọn	2
	NHA063.2	Bắc Bộ: những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội	Tự chọn	2
	NHA041.2	Trung bộ: Những vấn đề kinh tế, văn hoá, xã hội và tộc người	Tự chọn	2
	NHA067.2	Trường Sơn - Tây Nguyên: những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội	Tự chọn	2
	NHA056.1	Quan hệ xã hội và vốn xã hội	Tự chọn	2
	NHA077.1	Các hình thái tôn giáo ở Việt Nam	Tự chọn	2
	NHA068	Vấn đề xung đột dân tộc và tôn giáo đương đại	Tự chọn	2

	NHA047	Lễ hội và tổ chức sự kiện lễ hội ở Việt Nam	Tự chọn	2
	NHA069.1	Nhân học biển và vấn đề nghiên cứu biển ở Việt Nam	Tự chọn	2
VIII (2 BB)	NHA090	Văn hóa các tộc người tại chỗ ở Đông Nam Bộ	Bắt buộc	2
	NHA091	Văn hóa tộc người Hoa	Tự chọn	2
	NHA092	Văn hóa tộc người Chăm	Tự chọn	2
	NHA093	Văn hóa tộc người Khmer	Tự chọn	2
	NHA094	Văn hóa các tộc người thiểu số Tây Nguyên	Tự chọn	2
	NHA001	Bảo tàng học và di sản văn hóa	Tự chọn	2
	NHA066.1	Các dân tộc Đông Á và Đông Nam Á	Tự chọn	2
	NHA060.1	Phương pháp quay phim trong Nhân học	Tự chọn	3
	NHA085	Nhân học âm nhạc	Tự chọn	2
	NHA087	Tộc người thiểu số và chủ nghĩa đa ngôn ngữ	Tự chọn	2
	NHA086	Phật giáo	Tự chọn	3
	NHA097	Islam - Bà La Môn giáo	Tự chọn	2
	NHA083	Kitô giáo	Tự chọn	3
	NHA008.1	Khóa luận tốt nghiệp	Tự chọn	7
Chuyên ngành Nhân học Phát triển				
IV (16 BB)	DAI051	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2
	NHA010	Lý thuyết văn hóa	Bắt buộc	2
	NHA022.1	Nhân học ngôn ngữ	Bắt buộc	3
	NHA027	Nhân học tôn giáo	Bắt buộc	3
	NHA016	Nhân học du lịch	Bắt buộc	3

	NHA035	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu định tính	Bắt buộc	3
	NHA029	Nhân học y tế	Tự chọn	3
	NHA025.2	Nhân học sinh thái	Tự chọn	2
	NHA046.1	Nhân học về toàn cầu hóa	Tự chọn	2
	NHA075.1	Nhân học nông thôn	Tự chọn	2
	NHA015.1	Nhân học đô thị	Tự chọn	2
	NHA013	Nhân học chính trị	Tự chọn	2
	DAI019	Chữ Nôm	Tự chọn	3
V (13 BB)	DAI 050	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2
	NHA084	Lý thuyết nhân học đương đại	Bắt buộc	2
	NHA043	Anh văn chuyên ngành (trình độ 1)	Bắt buộc	3
	NHA034	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu định lượng	Bắt buộc	3
	NHA020	Nhân học kinh tế	Bắt buộc	3
	NHA004	Công tác xã hội trong Nhân học	Tự chọn	2
	LUU028	Quản trị nguồn nhân lực	Tự chọn	2
	NHA023	Nhân học pháp luật	Tự chọn	2
	NHA017	Nhân học giáo dục	Tự chọn	2
VI (12 BB)	NHA071	Thực tập thực tế lần 1	Bắt buộc	2
	NHA044	Anh văn chuyên ngành (trình độ 2)	Bắt buộc	4
	NHA024	Nhân học phát triển	Bắt buộc	3
	NHA032.1	Phát triển kỹ năng viết trong nghiên cứu Nhân học	Bắt buộc	3
	NHA021	Nhân học nghệ thuật và biểu tượng	Tự chọn	2
	NHA042	Văn hóa truyền thông đại chúng	Tự chọn	2
	NHA053	Tri thức bản địa	Tự chọn	2
	NHA039	Tổ chức xã hội và phân tầng xã hội	Tự chọn	2
VII (6 BB)	NHA038.2	Thực tập thực tế lần 2	Bắt buộc	2
	XXH010	Phát triển cộng đồng	Bắt buộc	2

	NHA033	Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân (PRA)	Bắt buộc	2
	NHA056.1	Quan hệ xã hội và vốn xã hội	Tự chọn	2
	DAI042	Tổ chức sự kiện	Tự chọn	2
	NHA047.2	Lễ hội và các lễ hội ở Việt Nam	Tự chọn	2
	NHA069.1	Nhân học biển và vấn đề nghiên cứu biển ở Việt Nam	Tự chọn	2
	NHA048	Phát triển Du lịch bền vững	Bắt buộc	3
VIII (5 BB)	NHA076	Thiết kế dự án	Tự chọn	2
	DUL011	Du lịch sinh thái	Tự chọn	2
	DUL012	Du lịch văn hóa	Tự chọn	2
	DIA033	Kinh tế môi trường	Tự chọn	3
	NHA001.1	Bảo tàng học và di sản văn hóa	Tự chọn	2
	NHA085	Nhân học âm nhạc	Tự chọn	2
	NHA098	Phương pháp lập bản đồ trong nghiên cứu Nhân học	Tự chọn	2
	NHA060.1	Phương pháp quay phim trong Nhân học	Tự chọn	3
	NHA008.1	Khóa luận tốt nghiệp	Tự chọn	7

6. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

Nhân học là ngành khoa học nghiên cứu về con người, và có quan điểm tiếp cận toàn diện nên luôn có tính liên thông với các ngành khoa học khác, cụ thể là các ngành Văn hóa học, Xã hội học, Lịch sử, Công tác xã hội, Du lịch, Tôn giáo học.

Phụ lục II
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
NGÀNH NHÂN HỌC

(Kèm theo Công văn số 1638 /XHNV-QLĐT ngày 19 / 8 /2025 của Trường Đại học
KHXH & NV, ĐHQG-HCM)

1. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: **Nhân học**

+ Tiếng Anh: **Anthropology**

- Mã ngành đào tạo: **8320303**

- Hình thức đào tạo: **Chính quy**

- Chương trình đào tạo: **Thạc sĩ Nhân học**

- Phương thức đào tạo: **Ngoài giờ hành chính**

- Thời gian đào tạo: **02 năm (thời gian đào tạo toàn khóa 02 năm cộng thêm 24 tháng).**

- Số tín chỉ yêu cầu: **60 tín chỉ**

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Thạc sĩ Nhân học**

+ Tiếng Anh: **Master of Arts in Anthropology**

- Nơi đào tạo: **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG-HCM)**

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo

CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Nhân học trang bị kiến thức nâng cao cho người học về lý thuyết nghiên cứu chuyên ngành Nhân học, kỹ năng nghiên cứu và thái độ tự chủ, có trách nhiệm; giúp người học phát triển thêm về tư duy, kiến thức nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc nghiên cứu cơ bản và ứng dụng trong bối cảnh hội nhập và phát triển của đất nước.

2.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành CTĐT Thạc sĩ ngành Nhân học, học viên có được:

Kiến thức

- Kiến thức nâng cao về Nhân học bao gồm lý thuyết Nhân học, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành.

- Kiến thức nâng cao và chuyên sâu trong quy trình thực hiện dự án nghiên cứu nhân học trong các chủ đề kinh tế, văn hoá, tôn giáo, phát triển, xã hội và tộc người.

Kỹ năng

- Khả năng tư duy độc lập và tư duy phản biện về những vấn đề nghiên cứu của nhân học trong các chủ đề kinh tế, văn hoá, tôn giáo, phát triển, xã hội và tộc người
- Kỹ năng chuyên sâu trong công tác nghiên cứu, cùng với năng lực quản lý và làm việc nhóm, thực hành công tác cộng đồng.
- Kỹ năng giao tiếp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tinh thần trách nhiệm và độc lập đảm trách các công tác đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng nghiên cứu chuyên ngành Nhân học trong các chủ đề kinh tế, văn hoá, tôn giáo, phát triển, xã hội và tộc người.

3. Khối lượng kiến thức

Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau :

STT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Kiến thức chung	4	7
II	Kiến thức cơ sở	12	17
III	Kiến thức chuyên ngành	15	26
IV	Khối lượng nghiên cứu khoa học	12	20
V	Luận văn Thạc sĩ	17	30
	Tổng cộng	60	100

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Học viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định phù hợp với từng chương trình đào tạo, bảo vệ thành công luận văn/đề án tốt nghiệp (điểm các môn học và điểm luận văn/đề án đạt 5.5 điểm trở lên) và đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong đào tạo trình độ thạc sĩ.

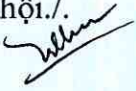
5. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Loại hình (BB/TC)	Số tín chỉ
HỌC KỲ I	MC04	Triết học	BB	4
	MC05	Lịch sử văn hóa Việt Nam (dành cho người nước ngoài)	BB	4

	NA6016	Các lý thuyết trong nghiên cứu Dân tộc học - Nhân học	BB	3
	NA6003	Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu trong Nhân học	BB	3
	NA6005	Thiết kế dự án nghiên cứu trong Nhân học	BB	3
	NA6010	Phân tầng xã hội và đô thị hóa ở Việt Nam	TC	3
	NA6019	Biến đổi kinh tế- xã hội và văn hóa của các tộc người ở Việt Nam	TC	3
	NA6018	Tộc người và những vấn đề nghiên cứu Nhân học về tộc người trong bối cảnh đương đại	TC	3
	NA6014	Thân tộc, hôn nhân và gia đình các dân tộc Việt Nam	TC	3
Học kỳ II	NA6009	Nhân học kinh tế trong bối cảnh Việt Nam đương đại	BB	3
	NA6012	Nhân học nghiên cứu về bảo tồn và phát triển văn hóa	TC	3
	NA6006	Nhân học nghiên cứu về toàn cầu hóa	TC	3
	Chờ cấp mã	Nghiên cứu về Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	TC	3
	Chờ cấp mã	Ngôn ngữ học xã hội	TC	3
	NA6013	Seminar về các vấn đề nghiên cứu đương đại	BB	3
	NA6004	Tôn giáo và nghiên cứu Nhân học về tôn giáo trong bối cảnh Việt Nam đương đại	BB	3
	NA6011	Nhân học nghiên cứu về phát triển bền vững	BB	3
	NA6008	Nhân học nghiên cứu về giới	BB	3
HỌC KỲ III		Luận văn	BB	17

6. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

Chương trình đào tạo Thạc sỹ Nhân học có khả năng liên thông, bổ trợ và ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực và chương trình đào tạo khác như: giảng dạy và nghiên cứu, du lịch, quản lý văn hóa, phát triển cộng đồng, công tác xã hội, truyền thông, thị trường và chính sách công, nhờ nền tảng kiến thức liên ngành và kỹ năng nghiên cứu – phân tích xã hội./.



Phụ lục III
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
NGÀNH NHÂN HỌC

(Kèm theo Công văn số 1638 /XHNV-QLĐT ngày 19 / 8 /2025 của Trường Đại học
KHXH & NV, ĐHQG-HCM)

1. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Nhân học
- + Tiếng Anh: Anthropology
- Mã ngành đào tạo: 9310302
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Tiến sĩ Nhân học
- + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Anthropology
- Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG-HCM)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trang bị cho Nghiên cứu sinh (NCS) kiến thức chuyên sâu về ngành Nhân học; đào tạo NCS hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tích hợp và vận dụng lý thuyết, phương pháp vào công tác nghiên cứu, quản lý, giáo dục, cũng như phát hiện và giải quyết những vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực Nhân học.

Chương trình chú trọng đến phát triển năng lực nghiên cứu và năng lực quản lý để NCS trở thành những nhà nghiên cứu, nhà giáo, nhà quản lý, chuyên gia trong lĩnh vực Nhân học.

2.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

- **Chuẩn về kiến thức, năng lực chuyên môn:** NCS được trang bị kiến thức chuyên sâu cả về lý thuyết, phương pháp nghiên cứu các tiếp cận nghiên cứu ngành Nhân học và liên ngành khoa học xã hội; các kiến thức chuyên sâu luôn được cập nhật về những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo... đương đại ở Việt Nam và trên Thế giới.

- **Chuẩn về kỹ năng:** Nghiên cứu sinh ngành Nhân học có kỹ năng chuyên sâu về phân tích, diễn giải, suy luận, năng lực sáng tạo trong học thuật, có kỹ năng nghiên cứu độc lập và hướng dẫn nghiên cứu khoa học ở các hoạt động đòi hỏi chuyên môn sâu, phát hiện

và giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Có kỹ năng trong việc tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu, các dự án nghiên cứu về các vấn đề đánh giá, tham vấn chính sách liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo, cộng đồng, đói nghèo...

- **Chuẩn về mức tự chủ và trách nhiệm:** Nghiên cứu sinh ngành Nhân học tự chủ được kiến thức khoa học chuyên sâu về ngành Nhân học; tự chủ để tiếp thu những nền học thuật tiên tiến trên thế giới; chịu trách nhiệm về kiến thức khoa học, về công bố khoa học, kiến thức chuyên môn trong việc quản lý, điều hành công việc, tham vấn cho các cấp chính quyền và hướng dẫn khoa học.

3. Khối lượng kiến thức

Tổng số tín chỉ: 90- 122 tín chỉ (tùy thuộc vào đối tượng tuyển sinh ngành đúng, ngành gần) mà áp dụng Khung CTĐT, trong đó phân bổ kiến thức như sau :

Người có bằng cử nhân loại giỏi

STT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Kiến thức cao học	31	
II	Học phần tiến sĩ	9	
III	Tiểu luận tổng quan	3	
IV	Chuyên đề tiến sĩ	9	
V	Luận án Tiến sĩ	70	
	Tổng cộng	122	

Người có bằng Thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp

STT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Học phần tiến sĩ	9	
III	Tiểu luận tổng quan	3	
IV	Chuyên đề tiến sĩ	9	
V	Luận án Tiến sĩ	70	
	Tổng cộng	91	

Người có bằng Thạc sĩ ngành gần

STT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Học phần bổ sung kiến thức	12	

II	Học phần tiến sĩ	9	
III	Tiểu luận tổng quan	3	
IV	Chuyên đề tiến sĩ	9	
V	Luận án Tiến sĩ	70	
Tổng cộng		103	

Người có bằng Thạc sĩ ngành khác

STT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Học phần bổ sung	15	
II	Học phần tiến sĩ	9	
III	Tiểu luận tổng quan	3	
IV	Chuyên đề tiến sĩ	9	
V	Luận án Tiến sĩ	70	
Tổng cộng		106	

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Được áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ của Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG và Quy định về tổ chức và đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

5. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Loại hình (BB/TC)	Số tín chỉ
Học kỳ 1				
		Triết học	BB	4
		Lịch sử văn hóa Việt Nam (dành cho người nước ngoài)	BB	4
	NH501	Các lý thuyết trong nghiên cứu Dân tộc học/ Nhân học	BB	3
	NH502	Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu trong Nhân học	BB	3

	NH503	Thiết kế dự án nghiên cứu trong Nhân học	BB	3
	NH515	Seminar về các vấn đề nghiên cứu Nhân học đương đại	BB	3
	NH517	Các lý thuyết trong nghiên cứu Nhân học đương đại	BB	3
	NH516	Các phương pháp nghiên cứu khoa học đương đại	BB	3
Học kỳ 2	NH504	Tộc người và những vấn đề tộc người trong bối cảnh đương đại	BB	2/3
	NH505	Tôn giáo và nghiên cứu tôn giáo trong bối cảnh đương đại	BB	2/3
	NH506	Nhân học về nghiên cứu Toàn cầu hóa	TC	2/3
	NH507	Các tôn giáo ở Việt Nam	TC	2/3
Học kỳ 3	NH508	Nhân học nghiên cứu về vấn đề giới	TC	3
	NH509	Nhân học kinh tế trong bối cảnh đương đại	TC	3
	NH510	Phân tầng xã hội và đô thị hóa ở Việt Nam	TC	3
	NH511	Nhân học nghiên cứu về phát triển bền vững	TC	3
	NH512	Nhân học nghiên cứu về bảo tồn và phát triển văn hóa	TC	3
	NH513	Biến đổi kinh tế- xã hội và văn hóa của các tộc người ở Việt Nam	TC	3
	NH514	Thân tộc, hôn nhân và gia	TC	3

		đỉnh các dân tộc Việt Nam		
	NH504	Tộc người trong nghiên cứu Nhân học	BB	3
	NH505	Văn hóa xã hội trong nghiên cứu Nhân học	BB	3
	NH520	Kinh tế trong nghiên cứu Nhân học	BB	3
	NH521	Tôn giáo trong nghiên cứu Nhân học	BB	3
		Tiểu luận tổng quan	BB	3
Học kỳ 4		Các chuyên đề tiến sĩ	9	
		Chuyên đề 1	BB	3
		Chuyên đề 2	BB	3
		Chuyên đề 3	BB	3
Học kỳ 5		Luận án	BB	3

6. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

Chương trình Tiến sĩ Nhân học có khả năng liên thông với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên mở rộng nghiên cứu liên ngành. /

Phụ lục IV
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
NGÀNH DÂN TỘC HỌC

(Kèm theo Công văn số 1638 /XHNV-QLĐT ngày 19 / 8 /2025 của Trường Đại học
KHXH & NV, ĐHQG-HCM)

1. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: **Dân tộc học**

+ Tiếng Anh: **Ethnology**

- Mã ngành đào tạo: **8310310**

- Hình thức đào tạo: **Chính quy**

- Chương trình đào tạo: **Thạc sĩ Dân tộc học**

- Phương thức đào tạo: **Ngoài giờ hành chính**

- Thời gian đào tạo: **02 năm (thời gian đào tạo toàn khóa 02 năm cộng thêm**

24 tháng).

- Số tín chỉ yêu cầu: **60 tín chỉ**

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Thạc sĩ Dân tộc học**

+ Tiếng Anh: **Master of Arts in Ethnology**

- Nơi đào tạo: **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG-HCM)**

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo

Trang bị kiến thức chuyên sâu cho học viên (HV) ngành Dân tộc học về các khía cạnh lý thuyết, phương pháp, chuyên môn về kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo của các tộc người ở Việt Nam và trên thế giới; kỹ năng và năng lực nghiên cứu độc lập và nghiên cứu khoa học ở các hoạt động đòi hỏi chuyên môn sâu.

2.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.2.1. Kiến thức, năng lực chuyên môn

HV được trang bị kiến thức chuyên sâu cả về lý thuyết, phương pháp nghiên cứu các tiếp cận nghiên cứu ngành Dân tộc học và liên ngành khoa học xã hội; các kiến thức chuyên sâu luôn được cập nhật về những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo... đương đại ở Việt Nam và trên thế giới.

2.2.2. Kỹ năng

HV ngành Dân tộc học có kỹ năng chuyên sâu về phân tích, diễn giải, suy luận, năng lực sáng tạo trong học thuật, có kỹ năng nghiên cứu độc lập và hướng dẫn nghiên cứu khoa học ở các hoạt động đòi hỏi chuyên môn sâu, phát hiện và giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Có kỹ năng trong việc tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu, các dự án nghiên cứu về các vấn đề đánh giá, tham vấn chính sách liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo, cộng đồng, đói nghèo...

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tinh thần trách nhiệm và độc lập đảm trách các công tác đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng nghiên cứu chuyên ngành Dân tộc học trong các chủ đề kinh tế, văn hoá, tôn giáo, phát triển, xã hội và tộc người.

3. Khối lượng kiến thức

Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau:

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Kiến thức chung	4	7
II	Kiến thức cơ sở	12	17
III	Kiến thức chuyên ngành	15	26
IV	Khối lượng nghiên cứu khoa học	12	20
V	Luận văn Thạc sĩ	17	30
	Tổng cộng	60	100

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

HV tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định phù hợp với từng chương trình đào tạo, bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp (điểm các môn học và điểm luận văn đạt 5.5 điểm trở lên) và đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong đào tạo trình độ thạc sĩ.

5. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Loại hình (BB/TC)	Số tín chỉ
I	DTH-501	Các lý thuyết trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học	BB	3
	DTH-502	Phương pháp nghiên cứu khoa học (các phương pháp nghiên cứu định tính và định	BB	3

		lượng)		
	DTH-503	Quy trình thiết kế và tổ chức một dự án nghiên cứu	BB	3
	DTH-504	Một số vấn đề tộc người, quan hệ tộc người ở Việt Nam hiện nay	TC	3
	DTH-505	Tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam	TC	3
	DTH-506	Những biến đổi kinh tế - xã hội và văn hóa của các tộc người ở Việt Nam	TC	3
II	DTH-507	Thân tộc, hôn nhân và gia đình các dân tộc Việt Nam	BB	3
	DTH-508	Vấn đề toàn cầu hóa trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học	BB	3
	DTH-509	Vấn đề giới trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học	TC	3
	DTH-510	Dân tộc học - Nhân học kinh tế trong bối cảnh đương đại	TC	3
	DTH-511	Dân tộc học - Nhân học nghiên cứu phát triển bền vững	TC	3
III	DTH-512	Phân tầng xã hội và đô thị hóa ở Việt Nam	BB	3
IV	DTH-513	Seminar về các vấn đề nghiên cứu đương đại	BB	3
V	DTH-514	Dân tộc học-Nhân học nghiên cứu về bảo tồn và phát triển văn hóa	BB	3
VI		Luận văn	BB	17

6. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

Chương trình đào tạo có khả năng tiếp nhận liên thông từ các ngành như Nhân học, Tôn giáo học, Xã hội học, Văn hóa học, Du lịch, Lịch sử, Địa lý, Quản lý văn hóa, hoặc các ngành khác thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.



Phụ lục V
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
NGÀNH DÂN TỘC HỌC
(Kèm theo Công văn số 1638 /XHNV-QLĐT ngày 19 / 8 /2025 của Trường Đại học
KHXH & NV, ĐHQG-HCM)

1. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: **Dân tộc học**
- + Tiếng Anh: **Ethnology**
- Mã ngành đào tạo: **9310310**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy**
- Chương trình đào tạo: **Tiến sĩ Dân tộc học**
- Phương thức đào tạo: **Ngoài giờ hành chính**
- Thời gian đào tạo: **02 năm (thời gian đào tạo toàn khóa 02 năm cộng thêm 24 tháng).**
- Số tín chỉ yêu cầu: **60 tín chỉ**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: **Tiến sĩ Dân tộc học**
- + Tiếng Anh: **Doctor of Philosophy in Ethnology**
- Nơi đào tạo: **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG-HCM)**

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trang bị cho Nghiên cứu sinh (NCS) kiến thức chuyên sâu về ngành Dân tộc học; đào tạo NCS hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tích hợp và vận dụng lý thuyết, phương pháp vào công tác nghiên cứu, quản lý, giáo dục, cũng như phát hiện và giải quyết những vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực Dân tộc học.

Chương trình chú trọng đến phát triển năng lực nghiên cứu và năng lực quản lý để NCS trở thành những nhà nghiên cứu, nhà giáo, nhà quản lý, chuyên gia trong lĩnh vực Dân tộc học.

2.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.2.1. Kiến thức, năng lực chuyên môn

NCS được trang bị kiến thức chuyên sâu cả về lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và các tiếp cận nghiên cứu ngành Dân tộc học/nhân học và liên ngành khoa học xã hội; các

kiến thức chuyên sâu luôn được cập nhật về những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo... đương đại ở Việt Nam và trên thế giới.

2.2.2. Kỹ năng

NCS có kỹ năng chuyên sâu về phân tích, diễn giải, suy luận, năng lực sáng tạo trong học thuật, có kỹ năng nghiên cứu độc lập và hướng dẫn nghiên cứu khoa học ở các hoạt động đòi hỏi chuyên môn sâu, phát hiện và giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Có kỹ năng trong việc tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu, các dự án nghiên cứu về các vấn đề đánh giá, tham vấn chính sách liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo, cộng đồng, đối nghèo...

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NCS tự chủ được kiến thức khoa học chuyên sâu của ngành Dân tộc học/Nhân học; tự chủ để tiếp thu những nền học thuật tiên tiến trên thế giới; chịu trách nhiệm về kiến thức khoa học, về công bố khoa học, kiến thức chuyên môn trong việc quản lý, điều hành công việc, tham vấn cho các cấp chính quyền và hướng dẫn khoa học.

3. Khối lượng kiến thức

Tổng số tín chỉ: 92 - 122 tín chỉ (tùy thuộc vào đối tượng tuyển sinh ngành đúng, ngành gần) mà áp dụng nhóm học phần, trong đó phân bổ kiến thức như sau:

STT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
A	Nhóm bổ sung (từ 11-30 tín chỉ - chọn 1 trong các nhóm)	
I	Học phần bổ sung kiến thức (dành cho ThS ngành gần)	11
II	Học phần bổ sung (dành cho ThS ngành khác)	15
III	Kiến thức cao học (dành cho cử nhân loại giỏi ngành đúng)	30
B	Nhóm bắt buộc (92 tín chỉ)	
I	Học phần tiến sĩ	14
II	Tiểu luận tổng quan	2
III	Chuyên đề tiến sĩ	6
IV	Luận án Tiến sĩ	70

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh phải tích lũy đủ số tín chỉ, công bố tối thiểu 02 bài báo theo quy định phù hợp với chương trình đào tạo; bảo vệ thành công luận án tiến sĩ và đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành.

5. Kế hoạch đào tạo

Tổng số tín chỉ: 90- 122 tín chỉ (tùy thuộc vào đối tượng tuyển sinh ngành đúng, ngành gần) mà áp dụng Khung CTĐT, trong đó phân bổ kiến thức như sau:

Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Loại hình (BB/TC)	Số tín chỉ
I		Triết học	BB	4
		Lịch sử văn hóa Việt Nam (dành cho người nước ngoài)	BB	4
	DT6015	Các lý thuyết trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học	BB	3
	DT6006	Phương pháp nghiên cứu khoa học (các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng)	BB	3
	DT6015	Các lý thuyết trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học đương đại	BB	3
	DT6027	Những vấn đề nghiên cứu Dân Tộc học/Nhân học đương đại trên thế giới và ở Việt Nam	BB	2
	DT6004	Quy trình thiết kế và tổ chức một dự án nghiên cứu Dân tộc học	BB	3
II	DT6003	Một số vấn đề tộc người, quan hệ tộc người ở Việt nam hiện nay	BB	2
	DT6017	Tôn giáo vào những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam	BB	3
	DT6016	Các phương pháp nghiên cứu khoa học đương đại trong Dân tộc học/Nhân học	BB	3
	DT6008	Những biến đổi kinh tế-xã hội và văn hóa của các tộc người ở Việt Nam	TC	3
III	DT6018	Vấn đề toàn cầu hóa trong nghiên cứu Dân tộc học – Nhân học	TC	3

	DT6019	Vấn đề giới trong nghiên cứu Dân tộc học – Nhân học	TC	3
	DT6021	Dân tộc học - Nhân học nghiên cứu về phát triển bền vững	TC	3
	DT6022	Phân tầng xã hội và phân tầng xã hội ở Việt Nam	TC	3
	DT6024	Dân tộc học - Nhân học nghiên cứu về bảo tồn và phát triển văn hóa	TC	3
	DT6013	Sinh thái nhân văn, các vấn đề lý thuyết và ứng dụng	TC	3
	DT6025	Du lịch sinh thái và sự phát triển bền vững	TC	3
	DT6026	Kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	TC	3
	DT6001	Các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam	TC	3
	DT6023	Seminar về các vấn đề nghiên cứu Dân tộc học/ Nhân học đương đại	TC	3
	NA6014	Thân tộc, hôn nhân và gia đình các dân tộc Việt Nam	TC	3
	DT6020	Dân tộc học - Nhân học kinh tế trong bối cảnh đương đại	TC	3
IV		Tiểu luận tổng quan	BB	2
		Chuyên đề 1	BB	2
		Chuyên đề 2	BB	2
		Chuyên đề 3	BB	2
V		Luận án	BB	70

6. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

Chương trình Tiến sĩ Dân tộc học có khả năng liên thông với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên mở rộng nghiên cứu liên ngành.



Phụ lục VI
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH TÔN GIÁO HỌC

(Kèm theo Công văn số 1638 /XHN-V-QLĐT ngày 19 / 8 /2025 của Trường Đại học
KHXH & NV, ĐHQG-HCM)

1. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: **Tôn giáo học**
- + Tiếng Anh: **Religious Studies**
- Mã ngành đào tạo: **7229009**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Trình độ đào tạo: **Cử nhân**
- Thời gian đào tạo: **3,5 - 4 năm**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: **Cử nhân Tôn giáo học**
- + Tiếng Anh: **Bachelor of Arts in Religious Studies**
- Nơi đào tạo: **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG-HCM)**

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình hướng đến 4 mục tiêu cụ thể cho sinh viên như sau:

2.1. Kiến thức

Sinh viên được trang bị kiến thức lý thuyết cơ bản, có hệ thống về khoa học xã hội - nhân văn, nghệ thuật, về chính trị và pháp luật Việt Nam cùng với kiến thức liên ngành toàn diện và chuyên sâu về các tôn giáo, tín ngưỡng trên thế giới và Việt Nam (trong đó có sự quan tâm đặc biệt đến các tôn giáo và tín ngưỡng ở Nam bộ và Tây nguyên), am hiểu và vận dụng hiệu quả các hệ giá trị tôn giáo vào trong đời sống cá nhân và xã hội

2.2. Kỹ năng cá nhân

Sinh viên sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu được áp dụng trong ngành tôn giáo học cùng với các kỹ năng mềm như: kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học để phân tích, xử lý số liệu, kỹ năng chụp ảnh dưới góc nhìn phân tích biểu tượng từ góc độ tôn giáo học. Có kỹ năng tư duy phản biện, tư duy logic, hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung và chuyên môn nói riêng.

2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

Sinh viên có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những hoàn cảnh khác nhau. Có kỹ năng

phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực được đào tạo. Có kỹ năng hợp tác làm việc phối hợp với các thành viên trong nhóm, cùng tham gia quản lý nhóm, đưa ra được các giải pháp cụ thể.

2.3. Phẩm chất, thái độ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tôn giáo học có tinh thần tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân, tinh thần phục vụ cộng đồng xã hội, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có năng lực tự học, tự nghiên cứu.

3. Khối lượng kiến thức

Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau:

STT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	28	23,3
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	26	21,7
III	Kiến thức chuyên ngành	60	50,0
IV	Kiến thức bổ trợ	6	5,0
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp Khóa luận tốt nghiệp (Những sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp sẽ tương đương với 6 tín chỉ kiến thức chuyên ngành tự chọn, chiếm 5,0%)		
	Tổng cộng	120	100

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo của ngành Tôn giáo học, hệ chính quy tập trung gồm 3 giai đoạn được chia thành 3 khối kiến thức: 1) *Khối kiến thức giáo dục đại cương*, 2) *Khối kiến thức cơ sở ngành*, 3) *Khối kiến thức chuyên ngành*.

4.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: được đào tạo trong thời gian 1,5 năm, tương ứng 3 học kỳ. Sinh viên phải hoàn tất các môn học thuộc *kiến thức đại cương* với **số tín chỉ đạt được tối thiểu là 28 tín chỉ** và **phải có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định** của **MỘT** trong các ngoại ngữ như tiếng Anh, Nga, Hoa, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Hàn Quốc, Nhật Bản; cùng các chứng chỉ khác như Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, Tin học văn phòng.

4.2. Khối kiến thức cơ sở ngành: được đào tạo trong thời gian hai học kỳ. Sinh viên sẽ học kiến thức về cơ sở ngành Tôn giáo học, và phải hoàn tất các môn cơ sở với số tín chỉ **tích lũy tối thiểu là 26 tín chỉ**.

4.3. Khối kiến thức chuyên ngành: được đào tạo trong thời gian từ 2 năm đến 2,5 năm, tương ứng với 4 – 5 học kỳ. Sinh viên sẽ học *kiến thức chuyên ngành* **đạt được tối**

thiếu là 60 tín chỉ, kiến thức bổ trợ (thực tập - thực tế) 6 tín chỉ, và có thể đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ tự chọn¹); đồng thời phải có chứng chỉ ngoại ngữ theo Quyết định số 420/QĐ-XHNV-ĐT ký ngày 25 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Quy định tổ chức giảng dạy ngoại ngữ không chuyên và Chuẩn trình độ ngoại ngữ bậc đại học hệ chính quy của Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	Loại hình (BB/TC)	Số tín chỉ
I (12BB)	DAI047	Triết học Mác – Lênin	BB	3
	DAI023	Nhân học đại cương	BB	2
	TGH 026	Tôn giáo học đại cương	BB	3
	DAI040	Các dân tộc ở Việt Nam	BB	2
	DAI033	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BB	2
	DAI005	Thông kê cho khoa học xã hội	TC	2
	DAI016	Lịch sử văn minh thế giới	TC	3
	DAI017	Tiến trình lịch sử Việt Nam	TC	3
	NHA010	Lý thuyết văn hóa	TC	2
II (10 BB)	DAI048	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	BB	2
	TGH023	Quan điểm Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo	BB	3
	TLH032	Tâm lý học tôn giáo	BB	3
	TGH011.1	Du lịch tâm linh	BB	2
	DAI025	Mỹ học đại cương	TC	2
	DAI021	Xã hội học đại cương	TC	2
	DAI012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	TC	2
	DAI028	Chính trị học đại cương	TC	2
	DAI024	Pháp luật học đại cương	TC	2
	DAI026	Kinh tế học đại cương	TC	2
	DAI022	Tâm lý học đại cương	TC	2
	DAI020	Logic học đại cương	TC	2

¹ Khóa luận tốt nghiệp chỉ dành cho sinh viên có tổng điểm trung bình của 7 học kỳ đầu đạt từ 7,5 trở lên. Khi làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ được miễn học 6 tín chỉ tự chọn trong các môn chuyên ngành.

	DAI015	Thực hành văn bản tiếng Việt	TC	2
	DAI018	Hán văn cơ bản	TC	3
III (15BB)	DAI049	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	2
	TGH003	Các lý thuyết nghiên cứu về tôn giáo	BB	3
	NHA027	Nhân học tôn giáo	BB	3
	XHH033	Xã hội học tôn giáo	BB	3
	TGH004.1	Các phương pháp nghiên cứu trong tôn giáo học	BB	4
	DAI019	Chữ Nôm	TC	2
	TGH016.1	Kỹ thuật chụp ảnh trong nghiên cứu tôn giáo	TC	2
	TGH020.1	Mỹ học tôn giáo	TC	2
	TGH008	Chính sách dân tộc ở Việt Nam	TC	2
IV (17 BB)	DAI 050	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BB	2
	TGH038	Triết học tôn giáo	BB	3
	NHA077.1	Các hình thái tôn giáo ở Việt Nam	BB	2
	TGH002	Các loại hình tín ngưỡng ở Việt Nam	BB	2
	TGH014.1	Hindu giáo ở Việt Nam	BB	2
	TGH005.1	Công giáo ở Việt Nam	BB	2
	TGH040	Tôn giáo với văn hóa	BB	2
	TRI082	Tôn giáo và khoa học	BB	2
	NHA025	Nhân học sinh thái nhân văn	TC	2
	TGH009	Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam	TC	2
V (11 BB)	DAI051	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2
	TGH022.1	Phật giáo ở Việt Nam	BB	3
	TGH021.1	Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam	BB	2
	TGH024.1	Tin Lành ở Việt Nam	BB	2
	TGH015.1	Islam giáo ở Việt Nam	BB	2
	TGH030	Tôn giáo với chính trị	TC	2
	TRI081	Tôn giáo và đạo đức	TC	2
	TGH031.1	Tôn giáo với kinh tế	TC	2
	TGH032.1	Tôn giáo với sinh thái văn hóa	TC	2

	TGH007	Công ước quốc tế và luật pháp Việt Nam về tự do tín ngưỡng và tôn giáo	TC	2
VI (07 BB)	TGH036	Thực tập – thực tế 1	BB	3
	TGH028.1	Tôn giáo trong cộng đồng tộc người thiểu số ở Việt Nam	BB	2
	TRI027	Đối thoại và khoan dung: Xu hướng toàn cầu của tôn giáo	BB	2
	TG029	Khảo cổ học tôn giáo	TC	2
	TG037	Lễ hội tôn giáo ở Việt Nam	TC	2
	TG018	Các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ Việt Nam	TC	2
	TGH001.1	Âm nhạc trong tôn giáo	TC	2
	NHA021	Nhân học nghệ thuật và biểu tượng	TC	2
VII (11 BB)	TGH037	Thực tập – thực tế 2	BB	3
	TGH012.1	Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương	BB	2
	TGH013.1	Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa	BB	2
	TGH039	Phật giáo Hòa Hảo	BB	2
	TRI022	Đạo Cao Đài	BB	2
	TRI028	Giới thiệu Kinh văn Phật giáo	TC	2
	TRI029	Giới thiệu Kinh Cựu ước và Tân ước	TC	2
	TRI030	Giới thiệu Kinh Qur'an	TC	2
	TGH034	Thần học giải phóng	TC	2
VIII (4BB)	NHA068	Vấn đề xung đột dân tộc và tôn giáo đương đại	BB	2
	TGH010.1	Chuyển đổi tôn giáo ở Việt Nam	BB	2
	TGH029	Tôn giáo và nhà nước pháp quyền	TC	2
	TGH006	Công tác dân vận tôn giáo	TC	2
	TGH025	Toàn cầu hóa với tôn giáo	TC	2
	TGH027	Tôn giáo học so sánh	TC	2
	TG030	Tôn giáo và sức khỏe cộng đồng	TC	2
	TG024	Công tác xã hội trong tôn giáo	TC	2
	TGH040	Khóa luận tốt nghiệp	TC	6

6. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

Tôn giáo học là ngành khoa học nghiên cứu về hiện tượng văn hóa con người – tôn giáo nên có tính liên thông với các ngành khoa học khác, cụ thể là các ngành Nhân học, Văn hóa học, Xã hội học, Lịch sử, Công tác xã hội, Du lịch.... Trong chương trình đào tạo của ngành Tôn giáo học luôn thể hiện những môn học có tính liên thông với các ngành khoa học này, như các môn học ở chương trình đại cương gồm: *Nhân học đại cương, Nhân học tôn giáo, Lịch sử văn minh thế giới, Tiến trình lịch sử Việt Nam...* Trong các môn học ở chương trình cơ sở ngành, có các môn như: Tâm lý học tôn giáo, Nhân học tôn giáo, Xã hội học tôn giáo, Triết học tôn giáo... Trong các môn học ở chương trình cơ sở ngành, có các môn như: *Các phương pháp thu thập xử lý thông tin định tính – định lượng, Văn hóa truyền thông đại chúng, Công tác xã hội trong tôn giáo, Phát triển cộng đồng, Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân, Tổ chức xã hội và phân tầng xã hội...* Do đó có thể khẳng định, chương trình đào tạo của ngành Tôn giáo học có khả năng liên thông rất cao với nhiều ngành khoa học trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hiện nay. / *viết*